

# Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ của Hàn Quốc và một số kinh nghiệm cho Việt Nam

VŨ CHÍ HÙNG\*

*Tóm tắt: Hàn Quốc là một trong những quốc gia trên thế giới có sự thành công nhất trong phát triển nền công nghiệp hỗ trợ dựa trên công nghệ khoa học, kỹ thuật tiên tiến và hiện đại. Đây là bài học kinh nghiệm quý giá cho các quốc gia, dân tộc trên thế giới trong phát triển nền công nghiệp hỗ trợ đáp ứng yêu cầu cho sự tăng trưởng kinh tế và phát triển đất nước nhanh và bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Bài viết phân tích một số chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ của Hàn Quốc, từ đó rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam.*

*Từ khóa: Phát triển, công nghiệp hỗ trợ, Hàn Quốc, Việt Nam.*

## 1. Khái quát về nền công nghiệp Hàn Quốc

Hàn Quốc vốn từng được biết đến là một trong những nước nông nghiệp nghèo nhất thế giới, song đã nỗ lực phát triển kinh tế kể từ năm 1962. Trong vòng chưa đầy bốn thập kỷ, Hàn Quốc đã đạt được điều gọi là “Kỳ tích sông Hàn”, một quá trình phi thường làm chuyển đổi căn bản nền kinh tế Hàn Quốc, đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử dân tộc.

Là nền kinh tế lớn thứ 13 trên thế giới, Hàn Quốc nổi lên là một quốc gia thành công nhất theo nhiều góc độ. Tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc được duy trì bởi các ngành công nghiệp chủ chốt vốn đã được thừa nhận trên phạm vi toàn cầu. Hàn Quốc là quốc gia đóng tàu lớn nhất thế giới; hơn nữa, Hàn Quốc còn đứng đầu về chất bán dẫn và màn hình hiển thị. Ngoài ra, Hàn Quốc đứng thứ hai trên thế giới về điện thoại di động và thứ năm về thép và các ngành công nghiệp.

Ngành đóng tàu của Hàn Quốc vẫn giữ vai trò đầu tàu trong lĩnh vực công nghiệp, đứng đầu thế giới về số lượng các đơn đặt hàng mới, các đơn đặt hàng gói tiếp và số lượng các tàu đóng được. Ngành đóng tàu của Hàn Quốc hiện đang chiếm hơn 40% tổng số đơn đặt hàng đóng tàu của thế giới. Là nhà sản xuất ô tô lớn trên thế giới, hàng năm Hàn Quốc sản xuất hơn 3,8 triệu xe. Kể từ khi Hàn Quốc bắt đầu xuất khẩu ô tô vào năm 1976, nền công nghiệp ô tô của Hàn Quốc đã phát triển với tốc độ khác thường<sup>1</sup>. Dựa vào việc ô tô Hàn Quốc ngày càng được ưa thích trên khắp thế giới, các hãng ô tô hàng đầu của Hàn Quốc bắt đầu mở rộng các cơ sở sản xuất ra những địa điểm ở nước ngoài.

Chiếm gần 11% thị phần của thế giới, lĩnh vực chất bán dẫn của Hàn Quốc đang giữ vị trí hàng đầu của ngành công nghiệp, đặc biệt về bộ nhớ và DRAM. Năm 2008, hai nhà sản xuất chất bán dẫn hàng đầu của Hàn Quốc (Samsung

\*Tổng cục Thuế

<sup>1</sup>Vũ Đăng Hình (1996): *Hàn Quốc: nền công nghiệp trẻ trở dậy*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Electronics và Hynix) xếp thứ nhất và thứ hai trên toàn thế giới. Tựu chung lại, hai hãng không lồ này chiếm trên 50% thị trường toàn cầu<sup>2</sup>.

Nhìn lại thì định hướng chính sách công nghiệp của Hàn Quốc thay đổi đáng kể trong mỗi thập kỷ hoặc hơn, giúp đưa nền kinh tế hướng tới một tương lai sáng sủa và thịnh vượng hơn. Từ những năm 1960, Hàn Quốc bắt đầu thúc đẩy xuất khẩu bằng cách ban hành những đạo luật và quy định có liên quan, xây dựng kế hoạch phát triển định hướng xuất khẩu. Trong thập niên 1970, công nghiệp hóa chất và công nghiệp nặng là trọng tâm của chính sách công nghiệp quốc gia. Trong những năm 1980, diễn ra quá trình tái cấu trúc nền công nghiệp. Việc tái cấu trúc này nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Mở cửa và tự do hóa thị trường là điểm nổi bật trong thập kỷ 1990. Khi cuộc khủng hoảng tài chính châu Á xảy ra năm 1997, Hàn Quốc quyết định thực hiện những cải tổ táo bạo nhằm phục hồi nhanh chóng. Các doanh nghiệp Hàn Quốc đi đầu trong việc tăng cường tính minh bạch và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, trong khi các chính sách khuyến khích kinh doanh bắt đầu được thực thi. Kể từ năm 2000, cải cách chiếm vị trí hàng đầu trong Chương trình nghị sự Quốc gia.

Để lồng ghép nhiều cải cách vào ngành công nghiệp hơn nữa, Hàn Quốc đẩy mạnh thực hiện các chính sách thân thiện với doanh nghiệp, cũng như thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hàn Quốc đặc biệt nhấn mạnh vào việc khơi gợi những động lực tăng trưởng và nâng cấp cấu trúc nền công nghiệp. Để làm được điều đó, Hàn Quốc đặt mục tiêu phát triển hơn nữa ngành sản xuất linh kiện và vật liệu, và ngành dịch vụ tri thức. Hàn Quốc đã có những bước đi hết sức thận trọng, đặt mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn với những chính

sách thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, dù trong bất cứ giai đoạn nào thì Hàn Quốc luôn coi nguyên liệu và linh kiện là nền tảng quan trọng trong quá trình phát triển công nghiệp.

## 2. Một số chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ của Hàn Quốc

### 2.1. Chính sách đầu tư phát triển, hỗ trợ tài chính

Để đẩy nhanh phát triển công nghiệp hỗ trợ, Nhà nước đã khuyến khích giới công thương trong nước đầu tư phát triển. Các doanh nghiệp được vay vốn với lãi suất thấp, được phép chuyển đổi ngoại hối với tỷ giá ưu đãi, được miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị và nguyên liệu cần thiết cho việc xây dựng các cơ sở công nghiệp mới, cho phép khấu hao thiết bị nhanh. Nhà nước còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mua đất công với giá rẻ và được hưởng một phần cơ sở hạ tầng đặc biệt. Nhà nước đã áp dụng chính sách bảo hộ mậu dịch nghiêm ngặt đối với một số sản phẩm nếu nhập từ nước ngoài mà có thể cạnh tranh với hàng công nghiệp nội địa như hàng công nghiệp nhẹ. Doanh nghiệp trong nước được ưu tiên những ngành, những lĩnh vực cần ít vốn, quay vòng nhanh và có tỷ suất lợi nhuận cao như hàng lương thực, thực phẩm, may mặc. Trong khi đó, Nhà nước khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, nhưng ở một số ngành, lĩnh vực nhất định như điện tử, sắt thép.

Sau các thập kỷ chú trọng phát triển những tổ hợp công nghiệp lớn, Nhà nước đã bắt đầu chú ý tới phát triển các loại hình doanh nghiệp, công ty vừa và nhỏ. Điều này có lý do khách quan của nó, Nhà nước đã thấy nhiều chaebol hoạt động kém hiệu quả, không thích ứng với những thay đổi nhanh của thị trường. Mặt khác, sở hữu của chaebol thường tập trung trong các thành viên gia đình, nên nó gây ra căng thẳng xã hội nhiều hơn. Ngoài ra, các công ty vừa và nhỏ cũng không thể phát triển dưới bóng của một nhóm các công ty lớn, trong khi hoạt động của các cơ quan tài chính, ngân hàng lại có thiên hướng ủng hộ các chaebol.

<sup>2</sup> Phí Hồng Minh - Nguyễn Cao Đức (2013): "Cơ chế thầu phụ trong phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan", *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 8 (208), tr.27 - 39.

Trong bối cảnh mới, Hàn Quốc chú trọng khắc phục sự mất cân đối trong công nghiệp giữa xí nghiệp quy mô lớn và quy mô vừa và nhỏ. Chính phủ đã triển khai nhiều biện pháp tích cực để hỗ trợ bộ phận non yếu này. Năm 1982, Nhà nước thông qua kế hoạch dài hạn 10 năm, nhằm đẩy nhanh sự phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhà nước đã có những giải pháp sau:

*Thứ nhất*, Nhà nước đẩy mạnh sự hợp tác trong sản xuất giữa doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Chính phủ khuyến khích các công ty lớn ký các hợp đồng dài hạn với các công ty nhỏ đang nhận được sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và quản lý để cung cấp phụ kiện chi tiết có chất lượng cao.

*Thứ hai*, Nhà nước khuyến khích các đơn vị công nghiệp nhỏ tư nhân xây dựng các hội hợp tác. Nhà nước dành tài trợ cho các hiệp hội này và ủng hộ những cố gắng kinh doanh tập thể của các hội bằng cách trao một phần quan trọng trong hợp đồng cung cấp cho các hội kinh doanh nhỏ. Trong các chính sách và biện pháp nêu trên thì chính sách hỗ trợ về tài chính được coi là trọng tâm.

Nhằm giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ không gặp khó khăn khi đi vào thị trường vốn và không phải vay lãi suất cao ở thị trường tự do, Nhà nước đã sử dụng các biện pháp như thành lập quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ lấy từ ngân sách nhà nước để đảm bảo các khoản vay dài hạn với lãi suất thấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; thành lập hai ngân hàng là Ngân hàng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và Ngân hàng toàn dân với sự trợ giúp của Nhà nước.

Nhà nước cố gắng khai thác một phần hợp lý những nguồn vốn từ tư bản tư nhân để dành cho công nghiệp vừa và nhỏ. Năm 1992, Nhà nước yêu cầu ngân hàng thương mại trong nước dành 45% vốn, ngân hàng nước ngoài dành 25% vốn cho vay của họ phục vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngân hàng địa phương phải dành 80% vốn cho vay phục vụ công nghiệp vừa và nhỏ. Ngân hàng trung ương sẽ giám sát và thực hiện yêu

cầu này và hỗ trợ tài chính cho các ngân hàng tư nhân đang triển khai giúp đỡ công nghiệp hỗ trợ.

Những giải pháp nêu trên đã thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ phát triển mạnh và đóng vai trò khá quan trọng trong nền kinh tế Hàn Quốc. Chúng là những doanh nghiệp nghiệp vệ tinh, gia công cho các tập đoàn công nghiệp có quy mô lớn. Năm 1990, các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 61,79% trong tổng số lao động xã hội.

Để hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của kinh tế tư nhân, Hàn Quốc chú trọng củng cố, nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu nhà nước. Do vậy, ngay từ năm 1983, Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành Luật Quản lý đầu tư vào các doanh nghiệp của Chính phủ và lập Phòng Đánh giá hoạt động kinh doanh của các công ty nhà nước năm 1984. Hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước được đánh giá theo những tiêu chuẩn nhất định và phân loại, xếp hạng theo khả năng kinh doanh.

## 2.2. Chính sách phát triển khoa học - công nghệ

Hàn Quốc rất chú trọng đến công tác nghiên cứu triển khai nhằm tăng cường đưa khoa học - công nghệ vào thực tế sản xuất kinh doanh và phát triển công nghiệp hỗ trợ. Mức đầu tư cho nghiên cứu triển khai công nghệ được nâng từ 0,58% tổng sản phẩm quốc dân năm 1980 lên 1,9% vào năm 1989; 3,5% năm 1995 và lên 5% năm 2000. Chỉ tính trong năm 2002, đầu tư cho nghiên cứu và triển khai ở Hàn Quốc đã lên tới 25,2 tỷ USD, chiếm 2,1% tổng sản phẩm xã hội và cứ 10.000 người dân có 30 cán bộ khoa học<sup>3</sup>. Đây là điều kiện tăng khả năng cạnh tranh hàng hoá của Hàn Quốc trên thị trường thế giới.

Nhà nước chú trọng tìm cách giảm bớt chi phí cho nhập khẩu và có được công nghệ tiên tiến mà không phải khi nào cũng nhập khẩu được. Chính phủ Hàn Quốc thực hiện chính

<sup>3</sup>Tạp chí Kinh tế cuối tuần (2014), *Phát triển công nghiệp hỗ trợ nhìn từ câu chuyện của Hàn Quốc*.

sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm củng cố và thúc đẩy công nghệ trong nước và các quan hệ kinh tế ổn định với các bạn hàng buôn bán chủ yếu. Từ năm 1987, Hàn Quốc đã cải cách căn bản nhằm tăng cường sự bảo vệ quyền sở hữu tài sản tri thức. Luật Bản quyền của Hàn Quốc đã quy định: bảo vệ toàn diện đối với các tác phẩm trong nước cũng như nước ngoài, quyền tác giả được kéo dài suốt cuộc đời cộng thêm 50 năm; nhấn mạnh việc chống lại sự vi phạm quyền tài sản tri thức bằng các luật lệ cụ thể, kể cả lĩnh vực phần mềm máy tính. Từ tháng 7/1980 đến 9/1982, tất cả các dự án công nghệ với chi phí kỹ thuật thường xuyên dưới 10%, thời hạn hợp đồng dưới 10 năm đều được nhập công nghệ áp dụng cho tất cả các ngành. Từ tháng 9/1982 đến tháng 7/1984, tất cả các dự án nhập công nghệ đều được phép nếu người phụ trách cao nhất của lĩnh vực khoa học - kỹ thuật ủng hộ. Từ tháng 7/1984, mọi dự án nhập công nghệ đều được cho phép, nếu sau 20 ngày gửi đơn, Bộ Tài chính không phản đối<sup>4</sup>. Giai đoạn này được gọi là giai đoạn chuyển từ cơ chế cho phép sang cơ chế báo cáo.

Nhìn chung, Hàn Quốc trong thập kỷ 1980, 1990 đã đầu tư thích đáng vào nghiên cứu và triển khai công nghệ. Ở Hàn Quốc, các viện nghiên cứu quốc gia là khâu quan trọng không thể thiếu trong hệ thống nghiên cứu và triển khai. Các trường đại học có nhiệm vụ tập trung nghiên cứu cơ bản, các viện nghiên cứu tư nhân tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, các viện nghiên cứu quốc gia thì đảm nhận những đề tài có độ rủi ro lớn với mức đầu tư tài chính lớn mà các công ty tư nhân không có khả năng hoặc không muốn đảm nhận. Các viện nghiên cứu quốc gia như viễn thông, điện tử đều được đầu tư thích đáng. Đây là nguyên nhân làm cho công nghiệp hỗ trợ điện tử của Hàn Quốc rất phát triển.

<sup>4</sup> Vũ Đăng Hình (1996), *Ssd*.

Nhà nước khuyến khích các công ty tư nhân tăng cường nghiên cứu triển khai bằng các hình thức như giảm thuế, giảm giá đặc biệt, trợ cấp tài chính trực tiếp hoặc cho vay vốn với lãi suất thấp, thực hiện các đơn đặt hàng của Nhà nước. Do vậy, tỷ lệ đầu tư của các công ty tư nhân vào nghiên cứu triển khai tăng bình quân 20%/năm. Đồng thời số viện nghiên cứu tư nhân tăng nhanh. Từ 1974 đến năm 1984, ở Hàn Quốc đã xuất hiện hàng loạt các cơ sở nghiên cứu, triển khai về khoa học, công nghệ với sự trợ giúp của Nhà nước về tài chính, thuế và sự bảo hộ về thị trường. Chức năng của các cơ quan này là nghiên cứu và phát triển các dự án quốc gia về năng lượng nguyên tử, công nghệ chế tạo máy, sản xuất kim loại, hoá chất, bán dẫn và máy tính, vô tuyến viễn thông, lazer... Chính những nỗ lực của Hàn Quốc trong nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ đã làm cho năng suất lao động trong các ngành sản xuất linh kiện, phụ kiện hỗ trợ tăng nhanh.

Hàn Quốc chủ trương vươn tới những thành tựu mới nhất của khoa học - công nghệ trong những năm tới. Chính phủ Hàn Quốc đã hỗ trợ rất tích cực cho các hoạt động nghiên cứu và triển khai dưới dạng tài chính, thuế và thăm dò thị trường nếu các kết quả nghiên cứu triển khai được thương mại hoá. Đó là việc mua bán bản quyền phát minh giữa cơ quan nghiên cứu và người sản xuất. Những cơ quan hỗ trợ kinh doanh đã được thành lập có chức năng đầu tư hoặc hỗ trợ cho các doanh nghiệp mới thuộc các ngành kỹ thuật cao, có thể phải chấp nhận những rủi ro trong đầu tư, đặc biệt vào thời kỳ ban đầu với điều kiện dễ dàng hoặc ưu đãi. Đó là thủ tục cấp vốn đơn giản, lãi suất thấp và thời gian vay có thể kéo dài 15 năm. Các công ty này cũng sẵn sàng chia sẻ tối đa 30% lỗ nếu dự án không thành công. Nếu dự án đem lại hiệu quả cao, thì công ty đỡ đầu về tài chính được quyền hưởng phần lãi tương đương như khi chịu lỗ. Ngoài ra, ở Hàn Quốc, hệ thống ngân hàng thương mại cũng tham gia hỗ trợ tài chính cho những dự án phát triển khoa học và công nghệ.

### 2.3. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Năm 1982, Ủy ban Quản lý và dạy nghề Hàn Quốc đã được thành lập gồm viện dạy nghề trung ương và 24 trung tâm dạy nghề của Nhà nước. Năm 1991, Ủy ban Nhân lực Hàn Quốc đã có 25 viện dạy nghề<sup>5</sup>. Bên cạnh đó, một số viện dạy nghề nhà nước do Chính phủ điều hành, hoặc do chính quyền địa phương quản lý. Nhìn chung, ở Hàn Quốc có sự đa dạng hoá về các hình thức đào tạo với sự tham gia của nhiều chủ thể. Việc dạy nghề tại doanh nghiệp do các hãng tư nhân tiến hành và được các hệ thống thuế đào tạo trang trải. Năm 2006, có 3.417 doanh nghiệp buộc phải chi vào dạy nghề một khoản bằng 0,1 - 0,9% lương. Các doanh nghiệp này thuộc loại doanh nghiệp có số công nhân thường xuyên là 150 người hay hơn trong các ngành mỏ, chế tạo, xây dựng, vận tải, công ích, dịch vụ... trong đó có 551 doanh nghiệp đang tham gia vào các hoạt động đào tạo tại 296 trung tâm dạy nghề tại doanh nghiệp<sup>6</sup>. Dạy nghề uỷ thác là loại hình dạy nghề tiến hành với sự thông qua của Bộ Lao động. Hàn Quốc đã tích cực cải tiến hệ thống giáo dục, mở rộng các cơ sở nghiên cứu và triển khai. Ngân sách dành cho hệ thống giáo dục của Hàn Quốc cũng tăng lên nhanh chóng đạt 19 - 21% chi ngân sách trong thập niên 1980. Song nếu so với GNP thì tỷ trọng chi tiêu cho giáo dục đã chiếm tới 4,2% trong đầu thập niên 1990. Đầu tư cho giáo dục ở Hàn Quốc có thể nói cao nhất trong tất cả các nước đang phát triển và gần ngang với mức của một số nước phát triển như Đức là 4,5% GNP, Anh 5% GNP. Hàn Quốc đã thực hiện chính sách chạy đua về giáo dục, mục tiêu tăng nhanh đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật được coi là quốc sách. Hàng năm, Hàn Quốc có 32.000 người tốt nghiệp các trường đại học, số lượng

này tương đương với mức ở Nhật Bản<sup>7</sup>. Đây là hiện tượng đáng chú ý ở Hàn Quốc cũng như Nhật Bản và Đài Loan những năm gần đây.

### 3. Một số bài học rút ra cho Việt Nam từ kinh nghiệm phát triển công nghiệp hỗ trợ của Hàn Quốc

Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm của Hàn Quốc về phát triển công nghiệp hỗ trợ, có thể rút ra một số bài học quý giá cho Việt Nam như sau:

#### *Một là, xác định rõ các ưu tiên về ngành công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ*

Hàn Quốc đã cho thấy họ thành công khi tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ. Việt Nam cũng cần có các ưu tiên rõ rệt để có thể tập trung nguồn lực cũng như định hướng để hấp dẫn doanh nghiệp đầu tư. Các biện pháp khuyến khích mua linh kiện tại nội địa là hết sức hữu hiệu. Theo kinh nghiệm của Hàn Quốc, trong bối cảnh hiện nay có thể khuyến khích như: giảm thuế cho các doanh nghiệp lắp ráp có tỷ lệ mua hàng trong nước cao, hỗ trợ ưu đãi các doanh nghiệp FDI sản xuất những phần linh kiện mà Việt Nam chưa tự thực hiện được, ưu đãi các tập đoàn đa quốc gia về đất đai, hạ tầng, thuế trong việc kêu gọi các doanh nghiệp vệ tinh của họ vào sản xuất tại Việt Nam...

Việt Nam được đánh giá khá cao trong công nghiệp cơ khí, Chính phủ hoàn toàn có thể lựa chọn việc cung ứng các linh kiện kim loại làm ưu tiên trong giai đoạn phát triển 10 năm tới. Trong đó, đối với mỗi ngành công nghiệp hạ nguồn đã được xác định là mũi nhọn của quốc gia (như điện tử, ô tô, xe máy) cần lên danh mục các linh phụ kiện kim loại mà Việt Nam có thể phát triển và cung ứng rộng khắp. Kết quả nghiên cứu khảo sát các doanh nghiệp cũng cho

<sup>5</sup> Ministry of Industry, Trade and Energy Korea, 2012. *Overview of Korea's Industries 2012*

<sup>6</sup> Ministry of Industry, Trade and Energy Korea, 2012. *Overview of Korea's Industries 2012*

<sup>7</sup> Ministry of Industry, Trade and Energy Korea, 2012. *Overview of Korea's Industries 2012*

thấy, trong ngành này, không chỉ có các sản phẩm cơ khí chế tạo mới được hưởng ưu đãi, mà cả các quy trình xử lý, như: mạ, xử lý bề mặt; xử lý nhiệt; đúc, rèn; hàn cần được đưa vào danh mục ưu tiên của phát triển công nghiệp hỗ trợ. Chỉ khi lựa chọn được lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cụ thể như vậy để đầu tư nguồn lực cho mọi mặt, kể cả sản xuất nguyên vật liệu ngay trong nội địa cho chế biến linh kiện kim loại, cũng như xây dựng các chương trình hỗ trợ kết nối doanh nghiệp và các tập đoàn nước ngoài, công nghiệp hỗ trợ Việt Nam mới có thể từng bước được hình thành vững chắc.

***Hai là, có chính sách thu hút đầu tư đúng đắn để phát triển công nghiệp hỗ trợ.***

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguồn lực quan trọng. Việc nhận thức được xu hướng của dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc biệt là việc hình thành và phát triển liên kết kinh doanh giữa các doanh nghiệp sản xuất nội địa với các tập đoàn đa quốc gia là vấn đề rất quan trọng để phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam. Việc thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI sản xuất phụ trợ và các tập đoàn đa quốc gia cần được coi là ưu tiên hàng đầu. Các doanh nghiệp của Việt Nam phải nỗ lực rất nhiều trong việc cải thiện năng lực của mình để trở thành nhà cung cấp cho các nhà sản xuất có vốn đầu tư nước ngoài hoặc khách hàng nước ngoài. Chính phủ cần hỗ trợ những nỗ lực đó bằng các chính sách cụ thể, hữu hiệu. Khoảng cách giữa chính sách và việc thực hiện chính sách là bài học mà Việt Nam nên rút ra từ Hàn Quốc. Để mất niềm tin với các nhà đầu tư nước ngoài mặc dù vẫn đang có các lợi thế cạnh tranh, các quốc gia này vẫn khó mà hạn chế được dòng chuyển dịch đầu tư sang các nước mới nổi lên trong khu vực. Ngày càng có nhiều các nước đi sau rút được các bài học quý, do vậy Việt Nam không nên để mất thêm nhiều thời gian trong việc hoàn thiện chính sách trên lý thuyết mà cần tập trung mạnh vào cơ chế thực hiện chính sách.

Cần khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào ngành công nghiệp hỗ trợ, trong đó đặc biệt thu hút đầu tư nước ngoài từ các tập đoàn đa quốc gia là biện pháp quan trọng nhất để phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam. Các nhà đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ sẽ cung cấp công nghệ và mở ra thị trường mới cho xuất khẩu, mặt khác có thể trợ giúp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam cơ cấu lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu sản phẩm. Trước hết, cần chú trọng đến các dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm mới, công nghệ cao, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử và máy tính. Chú trọng đến các nhà sản xuất hàng đầu ở các quốc gia có nền công nghiệp hỗ trợ tiên tiến như Mỹ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc... Bên cạnh nguồn vốn đầu tư nước ngoài, đóng vai trò quyết định đối với việc phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam trong giai đoạn tới, nguồn vốn đầu tư trong nước, dù còn rất hạn hẹp, nhưng cũng có vai trò quan trọng trong từng bước phát triển, tạo tiền đề cho sự phát triển của công nghiệp hỗ trợ Việt Nam ở những giai đoạn sau.

***Ba là, phát triển nguồn nhân lực đặc thù cho công nghiệp hỗ trợ.***

Là nước có dân số đông, lực lượng lao động lớn nhưng đa số người lao động Việt Nam chưa được đào tạo về công nghiệp, kỹ năng và kỷ luật lao động công nghiệp. Công nghiệp hỗ trợ lại đòi hỏi lao động được đào tạo ở trình độ tương đối cao. Một số giải pháp đào tạo nguồn nhân lực cần phải được thực hiện:

*Thứ nhất*, sớm hình thành một quỹ hỗ trợ đào tạo nhân lực cho công nghiệp hỗ trợ, quỹ này một phần được tài trợ của ngân sách đầu tư phát triển ngành và từ sự đóng góp của các doanh nghiệp Việt Nam.

*Thứ hai*, thực hiện chế độ đào tạo thường xuyên để người lao động tiếp cận với những tri thức mới. Có thể thực hiện đào tạo tại chỗ theo định kỳ hàng năm để nâng cao trình độ cho các

cán bộ quản lý doanh nghiệp và đội ngũ lao động kỹ thuật. Đây là bài học kinh nghiệm quý báu của các doanh nghiệp điện tử hàng đầu Nhật Bản, nhằm nâng cao trình độ nguồn nhân lực nội địa.

*Thứ ba*, nâng cao việc xã hội hoá đào tạo để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao hơn về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn hoá sâu trong các lĩnh vực của nền công nghiệp quốc gia. Các cải cách về đào tạo nhân lực cần tập trung vào việc kết hợp đào tạo lý thuyết với thực tiễn, giữa nhà trường và hệ thống doanh nghiệp. Xúc tiến các chương trình hợp tác đào tạo, các chương trình nghiên cứu và phát triển. Các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học Việt Nam có tiềm năng khá lớn, hơn nữa chi phí đào tạo và nghiên cứu ở Việt Nam đang rất thấp, nên cần có sự phối hợp giữa các cơ quan khoa học và các doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu. Cách làm này vừa phát huy được nội lực, vừa có chi phí thấp và là cơ sở của sự phát triển lâu dài cho Việt Nam.

*Thứ tư*, khuyến khích các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và các đối tác nước ngoài thực hiện các chương trình trao đổi kỹ thuật, trao đổi chương trình nghiên cứu và phát triển. Để nâng cao trình độ công nghệ và quản lý nhằm phát triển ổn định, các ngành công nghiệp hỗ trợ cần xây dựng và duy trì các mối quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài và trao đổi những tri thức, kinh nghiệm cần thiết một cách thường xuyên.

*Thứ năm*, một vấn đề thường xuyên được nhắc đến tuy nhiên vẫn chưa có các chính sách triệt để, tầm vĩ mô, là khả năng ngoại ngữ của nguồn nhân lực ảnh hưởng rất lớn đến thu hút đầu tư. Chính phủ cần cân nhắc để cải tiến hệ thống giáo dục gắn chặt với phát triển ngoại ngữ. Theo bài học của Hàn Quốc, đã đến lúc cần nhìn nhận và đánh giá chính sách này như là một trong các công cụ quan trọng của quốc gia trong chiến lược “đi tắt đón đầu” để đạt được các thành tựu công nghiệp như mong muốn.

***Bốn là, có chính sách ưu đãi doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.***

Các chính sách này liên quan đến thủ tục đăng ký kinh doanh, ưu đãi giá thuê đất, thuế (trong chừng mực không vi phạm các cam kết hội nhập, như thuế thu nhập doanh nghiệp, các chính sách thuế gián tiếp, giảm thuế cho doanh nghiệp sản xuất linh phụ kiện phục vụ thị trường nội địa, các hỗ trợ về thủ tục...), cũng như các trợ giúp gián tiếp thông qua các khoá đào tạo về nhân lực. Các chính sách trợ giúp gián tiếp cũng có thể liên quan đến các biện pháp tăng cường liên kết kinh doanh giữa doanh nghiệp các ngành khác nhau, các lĩnh vực khác nhau.

Chính sách ưu đãi các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất công nghiệp hỗ trợ có hướng hợp tác với nước ngoài để trở thành những nhà máy “vệ tinh cũng như đối với các doanh nghiệp FDI sẵn sàng đứng ra thu nhận các doanh nghiệp Việt Nam trở thành vệ tinh. Từ kinh nghiệm của Hàn Quốc, cần xây dựng các chương trình cụ thể trong mỗi ngành như ô tô, điện tử với các tác nhân tích cực cả từ hai phía cung và cầu. Ở Việt Nam, qua khảo sát của tác giả, có thể chọn Toyoya Việt Nam, Canon, Sanyo và các doanh nghiệp cung ứng Việt Nam như Tân Hoà, Cơ khí dụng cụ xuất khẩu, Nhựa Hà nội... tham gia vào các chương trình thí điểm này.

Các khu công nghiệp hỗ trợ, các cụm liên kết ngành liên quan đến công nghiệp hỗ trợ, các vườn ươm doanh nghiệp cho công nghiệp hỗ trợ cần được nhận ưu đãi để phát triển. Chính phủ cần đầu tư và dành kinh phí đào tạo nhân lực cho các ngành công nghiệp hỗ trợ thông qua việc cải tiến các chương trình đào tạo của các trường cao đẳng, dạy nghề trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng các chương trình đào tạo tại chỗ hoặc kết hợp với doanh nghiệp sản xuất.

#### 4. Kết luận

Phát triển kinh tế mà nòng cốt là phát triển công nghiệp luôn là mục tiêu của các nền kinh tế đang phát triển trong xu hướng hội nhập toàn cầu. Việc phát triển công nghiệp hỗ trợ, góp phần to lớn trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất và khai thác các nguồn lực trong nước, đồng thời là động lực trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho ngành công nghiệp, giúp tăng sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện

thu hút được đầu tư nước ngoài, thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập vào nền công nghiệp toàn cầu. Đối với Việt Nam đang trong tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, mục tiêu này càng trở nên quan trọng trong bối cảnh tăng cường sức cạnh tranh nhằm đuổi kịp các nước phát triển hơn. Muốn vậy, Việt Nam cần phải tăng cường học tập kinh nghiệm của các nước trên thế giới về phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là kinh nghiệm của Hàn Quốc♦

#### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Bưu Chính Viễn Thông (2007): *Kế hoạch tổng thể phát triển Công nghiệp điện tử Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn 2020*, Hà Nội.
2. Chuyên san Công nghiệp hỗ trợ. *Tạp chí Hồ sơ sự kiện*, số 299 ngày 25/3/2015.
3. Cù Chí Lợi (2012): *Mạng sản xuất toàn cầu và sự tham gia các ngành công nghiệp Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hà Thị Hương Lan (2014): *Công nghiệp hỗ trợ trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Kế Tuấn (2004): *Phát triển công nghiệp phụ trợ trong chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 85.
6. Nguyễn Trọng Hoài, Huỳnh Thanh Điền (2015): *Định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020*, Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 4 (26).
7. Nguyễn Quốc Luật (2009): *Đẩy mạnh phát triển công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và dự báo.
8. OECD (2008): *Tăng cường vai trò của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong chuỗi giá trị toàn cầu*. Trong: Hội thảo toàn cầu của OECD về chuỗi giá trị.
9. Phan Đăng Tuất (2008): *Kế hoạch hành động về phát triển công nghiệp hỗ trợ*, Diễn đàn Liên kết Hội nhập cùng phát triển, VCCI ngày 18/11/2008.
10. Phí Hồng Minh, Nguyễn Cao Đức (2013): *Cơ chế thầu phụ trong phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan*, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới, số 8 (208).
11. Tạp chí Kinh tế cuối tuần (2014): *Phát triển công nghiệp hỗ trợ nhìn từ câu chuyện của Hàn Quốc*.
12. Trần Đình Thiên (2012): *Phát triển công nghiệp hỗ trợ: đánh giá thực trạng và hệ quả*. Đề tài Khoa học cấp Bộ 1, 2012. Viện Kinh tế Việt Nam.
13. Vũ Đăng Hình (1996): *Hàn Quốc: nền công nghiệp trẻ trỗi dậy*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Ministry of Industry, Trade and Energy Korea (2012): *Overview of Korea's Industries 2012*.